

Bản án số: 15/2018/HS-ST
Ngày: 25/01/2018.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ - TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Đức

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông: Nguyễn Q Tiến

Bà: Nguyễn Thị Thuỳ Ngân

- Thư ký phiên tòa: Bà Danh Thị Sà Ron – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vĩnh Bình - Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 63/2017/TLST-HS ngày 21 tháng 12 năm 2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2018/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 01 năm 2018 đối với bị cáo:

Phạm Trung N (tên gọi khác Tin) (có mặt)

Sinh ngày: 05/9/1993, tại huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Nơi ĐKTT: Số nhà 55 đường T, khu phố 4, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

Chỗ ở: Số nhà 55 đường T, khu phố 4, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

Nghề nghiệp: Phụ hồ.

Trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; Q tịch: Việt Nam.

Con ông Phạm Văn T và bà Huỳnh Thị U.

Vợ: Chưa.

Tiền án: Không.

Tiền sự: Ngày 19/6/2017, bị Trưởng Công an phường Vĩnh Thanh Vân ra Quyết định xử phạt hành chính số tiền 1.000.000 đồng, về hành vi “Sử dụng trái

phép chất ma túy”, bị cáo đã đóng phạt 750.000 đồng, còn 250.000 đồng chưa đóng.

Bị bắt tạm giữ, tạm giam: Không.

Bị cáo đang tại ngoại.

- **Bị hại:** Trần Nam Q, sinh ngày 21/6/2000 (có mặt)

Địa chỉ: Số nhà 01 hẻm 02 đường N, phường Q, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

- **Người đại diện theo pháp luật cho Q:**

Bà Quách Thị H (mẹ của Q), sinh năm: 1958 (có mặt)

Địa chỉ: Số nhà 01 hẻm 02 đường N, phường Q, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:**

1/ Phạm Q T, sinh năm: 1959 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Số nhà 245 đường M, phường T, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

2/ Phạm Trung CH (anh ruột bị cáo), sinh năm: 1989 (có mặt)

Địa chỉ: Số nhà 55 đường C, khu phố 4, phường VTV, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 08 giờ 00 phút ngày 16/10/2017, Phạm Trung N mượn xe mô tô nhãn hiệu Yamaha biển số 68S1-175.49 của anh ruột là Phạm Trung CH để đi uống cà phê. Sau đó, N điều khiển xe đến nhà Trần Nam Q và rủ Q đi uống cà phê chung. Khi vào trong nhà Q, N thấy Q đang nằm ngủ và trên kệ tủ kế giường Q nằm có để 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy J7 Pro màu vàng đồng đang sạc điện. Lúc này, N nảy sinh ý định lấy trộm điện thoại của Q nên liền đi đến rút dây sạc ra và lấy điện thoại bỏ vào túi quần. Sau khi lấy được điện thoại N chạy xe đi tìm nơi cầm điện thoại. Khi đi đến tiệm cầm đồ của anh Phạm Q T, N lấy điện thoại vừa lấy trộm được cầm cho anh T với giá 3.500.000 đồng (anh T không biết điện thoại do bị cáo phạm tội mà có). Số tiền có được, N chuộc lại điện thoại di động hiệu Iphone 5S màu vàng đồng mà N đã cầm cho anh T trước đó với giá 2.018.000 đồng nên anh T trả cho N số tiền còn lại là 1.482.000 đồng và N tiêu xài cá nhân hết. Sau đó, Công an phường Vĩnh Quang mời N về trụ sở làm việc và N đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Đến ngày 25/10/2017, bị cáo bị Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an thành phố Rạch Giá,

khởi tố và ra lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú để điều tra (bút lục số 31, 32, 37, 43, 49).

Bị cáo Phạm Trung N đã khai nhận hành vi phạm tội của bị cáo như đã nêu trên.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi của bị cáo Phạm Trung N đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”.

* Tại bản kết luận định giá tài sản số 144/KL-TCKH ngày 24/10/2017 của Hội đồng định giá tài sản thành phố Rạch Giá xác định (bút lục số 14): 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy J7 Pro màu vàng đồng trị giá 4.500.000 đồng (bốn triệu năm trăm nghìn đồng).

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại, đại diện theo pháp luật cho bị hại, những người có quyền lợi, N vụ liên quan không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết luận của Hội đồng định giá tài sản nêu trên.

* Về trách nhiệm dân sự: Anh Trần Nam Q đã nhận lại tài sản; anh Phạm Q T yêu cầu bị cáo trả lại số tiền cầm điện thoại là 2.500.000 đồng, số tiền còn lại 1.000.000 đồng anh T không yêu cầu bị cáo trả lại, hiện bị cáo đã trả cho anh T xong; anh Q và anh T không yêu cầu bị cáo bồi thường gì khác (bút lục từ 54 đến 56).

* **Theo bản cáo trạng số: 04/CT.KSĐT** ngày 20/12/2017 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang truy tố bị cáo Phạm Trung N về tội “Trộm cắp tài sản”, theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 138; điểm b, h, p khoản 1 Điều 46; Điều 33 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Phạm Trung N mức án từ 06 tháng đến 09 tháng tù.

Về biện pháp tư pháp: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 41 Bộ luật hình sự, tuyên buộc bị cáo giao nộp số tiền 1.000.000 đồng để sung quỹ nhà nước.

Về phần dân sự: Anh Q và anh T đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường gì khác; nên đề nghị không xem xét.

Bị cáo nói lời nói sau cùng: bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Rạch Giá, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Rạch Giá, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, đại diện theo pháp luật cho bị hại và những người có quyền lợi, N vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Hội đồng xét xử xét thấy, tại phiên tòa hôm nay bị cáo Phạm Trung N đã khai nhận hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản cáo trạng đã nêu; lời nhận tội trên phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, của những người tham gia tố tụng và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, thể hiện:

Vào khoảng 08 giờ 00 phút ngày 16/10/2017, Phạm Trung N điều khiển xe mô tô biển số 68S1-175.49 đến nhà anh Trần Nam Q tại số 01 hẻm 2 đường Nguyễn Tuân, phường Vĩnh Quang để rủ Q đi uống cà phê (xe của anh ruột bị cáo tên Phạm Trung CH, anh CH không biết bị cáo lấy xe đi thực hiện hành vi phạm tội), khi đến nhà lợi dụng anh Q đang nằm ngủ nên bị cáo đã lén lút lấy trộm của anh Q 01 chiếc điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy J7 Pro màu vàng đồng (trị giá qua định giá là 4.500.000 đồng). Sau khi lấy được điện thoại, bị cáo đem đi cầm cho anh Phạm Q T với giá 3.500.000 đồng (anh T không biết điện thoại do bị cáo phạm tội mà có). Số tiền có được, N chuộc lại điện thoại di động hiệu Iphone 5S màu vàng đồng mà N đã cầm cho anh T trước đó với giá 2.018.000 đồng nên anh T trả cho N số tiền còn lại là 1.482.000 đồng và N tiêu xài cá nhân hết. Sau đó, Công an phường Vĩnh Quang mời N về trụ sở làm việc và N đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Từ những chứng cứ đã nêu trên, có đủ cơ sở để kết luận hành vi của bị cáo Phạm Trung N phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự như kết luận của Kiểm sát viên là có căn cứ đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Xét về tính chất, mức độ và hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, mặc dù bị cáo ý thức được việc trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng vì muốn có tiền tiêu xài cá nhân mà không phải bỏ ra công sức lao động chân chính, nên bị cáo đã bất chấp thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác một cách trái pháp luật. Hành vi phạm tội của bị cáo với lỗi cố ý trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác

được pháp luật thừa nhận và bảo vệ, làm ảnh hưởng xấu đến cuộc sống gia đình người bị hại, làm mất an ninh, trật tự ở địa phương và gây bất bình trong dư luận quần chúng nhân dân. Do đó, cần xử bị cáo một mức hình phạt thật tương xứng đối với tội trạng của bị cáo và cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định; nhằm có tác dụng răn đe, giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành người công dân tốt; đồng thời cũng nhằm ngăn ngừa chung loại tội phạm này trong xã hội.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo chưa có tiền án. Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; tài sản được thu hồi giao trả lại cho bị hại và bị cáo đã khắc phục trả lại tiền cầm xe cho anh T được 2.500.000 đồng trong số tiền cầm 3.500.000 đồng. Do đó, cần cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, h, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự.

[5] Về hình phạt bổ sung, theo quy định tại khoản 5 Điều 138 Bộ luật hình sự quy định “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm mươi triệu đồng”. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa đã cho thấy bị cáo là lao động tự do, không có thu nhập ổn định, điều kiện kinh tế gia đình khó khăn. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Anh Trần Nam Q đã nhận lại tài sản; anh Phạm Q T yêu cầu bị cáo trả lại số tiền cầm điện thoại là 2.500.000 đồng, số tiền còn lại 1.000.000 đồng anh T không yêu cầu bị cáo trả lại, hiện bị cáo đã trả cho anh T xong; anh Q và anh T không yêu cầu bị cáo bồi thường gì khác, nên miễn xét.

[7] Về xử lý vật chứng:

+ Đối với 01 điện thoại di động hiệu Iphone 5S màu vàng đồng của bị cáo, do không liên quan đến việc phạm tội nên Cơ quan điều tra đã giao trả lại cho bị cáo là phù hợp với quy định của pháp luật.

+ Riêng 01 chiếc xe mô tô hiệu Yamaha biển số 68S1-175.49, xe bị cáo mượn của anh Phạm Trung CH, anh CH không biết bị cáo sử dụng chiếc xe để thực hiện hành vi phạm tội nên Cơ quan điều tra đã không thu giữ là phù hợp với quy định của pháp luật.

[8] Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Q Hội về việc thi hành Bộ luật hình sự số 100/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 12/2017/QH14; Điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Q Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Áp dụng: Khoản 1 Điều 138; điểm b, h, p khoản 1 Điều 46; Điều 33; khoản 1 Điều 41 Bộ luật Hình sự năm 1999 và Điều 228 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tuyên bố: Phạm Trung N

Phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt: Phạm Trung N mức án 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính; kể từ ngày bị cáo bị bắt đi thi hành án.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại và người có quyền lợi, N vụ liên quan không yêu cầu gì khác; nên miễn xét.

Về biện pháp tư pháp:

Buộc bị cáo giao nộp 1.000.000 đồng, tiền do phạm tội mà có sung quỹ Nhà nước (lẽ ra phải trả cho anh T và được anh T cho)

Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người đại diện theo pháp luật cho bị hại và người có quyền lợi, N vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Riêng anh T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- Viện kiểm sát cùng cấp;
- Cơ quan THA Dân sự Tp.Rạch Giá;
- Công an thành phố Rạch Giá;
- Bị cáo, người TGTT;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

NGUYỄN THÀNH ĐỨC

Riêng người có quyền lợi, N vụ liên quan vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.